

Số: 32/2020/QĐ-PT

Phú Thọ, ngày 28 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Nguyễn Kim Ái.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/QĐST - DS ngày 06 tháng 3 năm 2020.

Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ vào Điểm g Khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khu 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Ông Lê Quý T và bà Trần Thị Kim O – Luật sư – Văn phòng Luật sư Minh Hà N, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Số 52, tổ 5, phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khu 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1976;

Anh Khổng Duy C, sinh năm 1976;

Đều có địa chỉ: Khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tại đơn kháng cáo ngày 12/3/2020 bà Đỗ Thị T kháng cáo không đồng ý với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 02/2020/QĐST-DS ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ với lý do: Trong quyết định có nêu lý do người khởi kiện không có quyền khởi kiện. Thực tế bà khởi kiện theo đúng quy định và giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà, trong đó có thửa 158 tổng diện tích 225 m² gia đình bà đã bán 115 m² cho em gái Đỗ Thị B, Khổng Duy C đã được nhà nước thu hồi và đền bù. Diện tích đất còn lại trong thửa đó là 110 m² vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình bà và ngày 23/3/2020 bà có cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện T01 biên bản thỏa thuận lập ngày 21/3/2020 có nội dung: Năm 2002 bà T có bán cho em gái Đỗ Thị B và Khổng Duy C mảnh đất tại đồi núi ván với diện tích 225m². Năm 2016 được nhà nước đền bù 115 m² đất trong diện tích 225m² đất với số tiền là 9.400.000đ, số diện tích 225m² đất vẫn nằm trong bì đồ của gia đình bà. Nay gia đình chị B, anh C không có nhu cầu sử dụng nên đã trả lại số đất còn lại và số tiền đã đền bù cho bà.

Kể từ nay về sau gia đình bà được sử dụng phần đất còn lại và số tiền đã được đền bù mà đã bán cho chị B. Biên bản thỏa thuận này có sự chứng kiến của đại diện trưởng khu dân cư, mặt trận, tổ tự quản, con bà T, bà T, con anh C, chị B và anh C; chị B đều ký vào biên bản.

XÉT THẤY:

1/ Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị T trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2/ Nội dung kháng cáo: Bà T không nhất trí với quyết định đình chỉ của TAND huyện T vì hiện nay gia đình bà đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q432474 ngày 03/5/2000 đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 23, diện tích 225m² là loại đất ĐRM ở khu 10, thị trấn T, huyện T, bà đã bán cho anh C và chị B 115m² đã được thu hồi và đền bù. diện tích đất còn lại là 110m² vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện T đã thu thập các tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất số 158, tờ bản đồ số 23, diện tích 225m² là loại đất ĐRM ở khu 10, thị trấn T, huyện T, bà T đã bán cho anh C và chị B năm 2002. Nhưng đến ngày 29/01/2016 hai bên mới viết giấy chuyển nhượng cho nhau, đến năm 2015 khi nhà nước có chủ trương thu hồi đất phục vụ công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị tại thị trấn T, huyện T tại biên bản kiểm kê thể hiện chủ hộ Khổng Duy C diện tích thu hồi 126,9m² số thửa 158, tờ bản đồ số 23 và thông báo số 07/TB-HĐBT ngày 21/4/2016 của hội đồng bồi thường – giải phóng mặt bằng huyện T thông báo anh Khổng Duy C đến nhận tiền bồi thường và tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2020 và ngày 27/02/2020 bà T cùng vợ chồng anh C, chị B cũng thừa nhận thửa đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng anh C, chị B; bà T không có quyền gì đối với thửa đất nêu trên. Mặc dù về mặt pháp lý vợ chồng anh C, chị B chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên. Nhưng trên thực tế thì vợ chồng anh C, chị B đã nhận chuyển nhượng của bà T và đã được nhận tiền đền bù khi nhà nước thu hồi một phần diện tích của thửa đất nêu trên và việc chuyển nhượng này hai bên không có tranh chấp gì và đều thừa nhận. Như vậy việc Tòa án nhân dân huyện T ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Xong sau khi nhận quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do người khởi kiện không có quyền khởi kiện thì gia đình bà T cùng gia đình anh C đã có biên bản thỏa thuận thống nhất trả lại diện tích đất đã chuyển nhượng và số tiền đền bù vợ chồng anh C, chị B đã nhận cho gia đình bà T việc thỏa thuận này là tự nguyện và là chứng cứ mới để chứng minh gia đình bà T có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất với bà U. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T.

Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T, hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 02/2020/QĐST-DS ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân

huyện T, tỉnh Phú Thọ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ để tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Nguyên nhân hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do khách quan.

Về án phí: Kháng cáo của bà Đỗ Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tại phiên họp quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T; Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 02/2020/QĐST-DS ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ để tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T.

[1]. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 02/2020/QĐST-DS ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Đỗ Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002091 ngày 13/3/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Hà Giang

